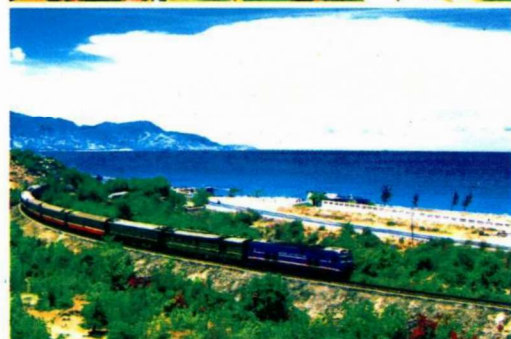


LÊ THÔNG - NGUYỄN MINH TUỆ (Đồng Chủ biên)

ĐỊA LÝ DỊCH VỤ

Tập 1

Địa lí
giao thông
vận tải



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THÔNG – NGUYỄN MINH TUỆ (Đồng Chủ biên)
LÊ MỸ DUNG – NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG
WŨ THỊ NGỌC PHƯỚC – LÊ THỊ QUẾ – NGUYỄN THỊ HOÀI THU

ĐỊA LÍ DỊCH VỤ

Tập 1: ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CÁC CHỮ VIẾT TẮT:

Viết tắt	Nội dung	Viết tắt	Nội dung
BL	Jetstar Pacific Airlines	GTNT	Giao thông nông thôn
BTN	Bê tông nhựa	GTĐT	Giao thông đô thị
BTXM	Bê tông xi măng	GTVT	Giao thông vận tải
BCĐK	Báo cáo định kì	KLVC	Khối lượng vận chuyển
BCTT	Báo cáo tổng thể	KLLC	Khối lượng luân chuyển
CHK	Cảng hàng không	TP	Thành phố
CHK-SB	Cảng hàng không – sân bay	VNA	Vietnam Airlines
CHKQT	Cảng hàng không quốc tế	XNK	Xuất nhập khẩu
CHKNĐ	Cảng hàng không nội địa		

UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE

ĐỊA LÍ DỊCH VỤ – Tập 1: ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (Đồng Chủ biên)

Lê Mỹ Dung – Nguyễn Thị Minh Hương

Vũ Thị Ngọc Phước – Lê Thị Quế – Nguyễn Thị Hoài Thu

Sách được xuất bản theo chỉ đạo biên soạn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
phục vụ công tác đào tạo.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-0496-6

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

*Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn*

MỤC LỤC

ỜI NÓI ĐẦU	5
HIẬP MÔN	5
1. VAI TRÒ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	7
2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	8
2.1. Sự chuyên chở là sản phẩm đặc thù của ngành giao thông vận tải	8
2.2. Sử dụng nhiều nguyên, nhiên, vật liệu từ các ngành khác	9
2.3. Sự phân bố rất đặc thù	10
3. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	10
3.1. Thuận lợi	10
3.2. Khó khăn	12
4. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	13
4.1. Khối lượng vận chuyển	13
4.2. Khối lượng luân chuyển	13
4.3. Cự li vận chuyển trung bình	13
5. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU VẬN TẢI	14
5.1. Tình hình vận tải	14
5.2. Cơ cấu vận tải	15
6. CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CHỦ YẾU	15
6.1. Hà Nội	15
6.2. TP. Hồ Chí Minh	16
6.3. Đà Nẵng	16
Chương 1. GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỜNG Ô TÔ	17
1.1. ĐẶC ĐIỂM	17
1.1.1. Ưu điểm	17
1.1.2. Nhược điểm	18
1.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	18
1.2.1. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ	18
1.2.2. Các nhân tố tự nhiên	19
1.2.3. Các nhân tố kinh tế – xã hội	22
1.3. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ	27
1.3.1. Lược sử phát triển trên thế giới	27
1.3.2. Quá trình hình thành và phát triển ở Việt Nam	33
1.3.3. Thực trạng phát triển và phân bố	35
1.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	79
1.4.1. Mục tiêu	79
1.4.2. Định hướng phát triển ngành giao thông vận tải đường ô tô đến năm 2020	80
Chương 2. GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT	84
2.1. ĐẶC ĐIỂM	84
2.1.1. Vận tải đường sắt có năng lực chuyên chở rất lớn, đối tượng chuyên chở đa dạng, tốc độ nhanh và hoạt động hiệu quả trên cự li vận chuyển lớn	84
2.1.2. Đường sắt có tốc độ nhanh, mức độ an toàn cao	84
2.1.3. Đường sắt tiết kiệm đất xây dựng và ít gây ô nhiễm môi trường	85
2.1.4. Sản xuất có tính tập trung thống nhất, giá thành vận tải và phí tổn thấp	86
2.1.5. Hạn chế của vận tải đường sắt	86

2.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	87
2.2.1. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ	87
2.2.2. Các nhân tố tự nhiên	88
2.2.3. Các nhân tố kinh tế – xã hội	90
2.2.4. Đánh giá chung.....	100
2.3. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ	101
2.3.1. Lược sử phát triển trên thế giới	101
2.3.2. Quá trình hình thành và phát triển ở Việt Nam	108
2.3.3. Thực trạng phát triển và phân bố.....	111
2.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	146
2.4.1. Mục tiêu	146
2.4.2. Định hướng phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020	146
Chương 3. GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỜNG THUYỀN	149
3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....	149
3.1.1. Vai trò của ngành giao thông vận tải đường thủy	149
3.1.2. Phân loại ngành giao thông vận tải đường thủy	149
3.1.3. Ưu điểm và nhược điểm của giao thông vận tải đường thủy.....	150
3.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	151
3.2.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.....	151
3.2.2. Các nhân tố tự nhiên	151
3.2.3. Các nhân tố kinh tế – xã hội	153
3.3. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ	155
3.3.1. Lược sử phát triển trên thế giới	155
3.3.2. Quá trình hình thành và phát triển ở Việt Nam	160
3.3.3. Thực trạng phát triển và phân bố.....	164
3.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	187
3.4.1. Mục tiêu	187
3.4.2. Định hướng phát triển ngành giao thông vận tải đường thủy đến năm 2020	188
Chương 4. GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	206
4.1. ĐẶC ĐIỂM	206
4.1.1. Ưu điểm.....	206
4.1.2. Nhược điểm.....	207
4.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	208
4.2.1. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ	208
4.2.2. Nguồn nhân lực	209
4.2.3. Sự phát triển của các ngành kinh tế	211
4.2.4. Thị trường.....	212
4.2.5. Sự phát triển của khoa học – công nghệ	214
4.2.6. Xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới	215
4.2.7. Tình hình an ninh – chính trị – xã hội.....	216
4.2.8. Vốn đầu tư.....	217
4.2.9. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước	218
4.2.10. Các nhân tố tự nhiên	219
4.3. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ	219
4.3.1. Lược sử phát triển trên thế giới	219
4.3.2. Quá trình hình thành và phát triển ở Việt Nam	227
4.3.3. Thực trạng phát triển và phân bố.....	230
4.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	250
4.4.1. Mục tiêu	250
4.4.2. Định hướng phát triển ngành giao thông vận tải đường hàng không đến năm 2020 ...	253
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	256

LỜI NÓI ĐẦU

Dịch vụ là khu vực có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế thế giới nói chung và mỗi quốc gia nói riêng. Đây là khu vực kinh tế rất đa dạng và phức tạp. Trong nền kinh tế hiện đại, dịch vụ trở thành hoạt động không thể thiếu được nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền sản xuất và đời sống xã hội.

Trong khi công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội thì dịch vụ là ngành không trực tiếp tạo ra của cải vật chất, nhưng lại có ý nghĩa đặc biệt nhờ việc làm tăng thêm giá trị của hàng hoá. Giá trị của nó không phải hữu hình để có thể nhìn thấy được, mà là vô hình. Giữa sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp với sản phẩm dịch vụ có sự khác nhau rõ rệt về giá trị thương mại, giá trị sử dụng và ngày công lao động được tích lũy trong mỗi sản phẩm.

Về cơ cấu, khu vực dịch vụ là một tổng thể có nhiều ngành và hoạt động. Nó bao gồm từ những ngành có ý nghĩa rất quan trọng (như giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, ngân hàng, giáo dục, y tế...) cho đến những hoạt động hết sức thường nhật (như bảo hiểm, quảng cáo, dịch vụ tư vấn, vệ sinh công cộng, cây xanh thành phố, trang điểm – làm đẹp, chỉ dẫn, thám tử tư, vệ sĩ, mai táng...).

Ở nước ta, dịch vụ ngày càng phát triển, nhất là từ khi đất nước bước vào công cuộc Đổi mới. Nó tham gia vào hầu hết các hoạt động kinh tế – xã hội, góp phần đẩy mạnh các mối liên hệ liên ngành và liên vùng, đảm bảo phục vụ mọi nhu cầu của sản xuất và đời sống cho từng thành viên trong xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, dịch vụ còn tạo điều kiện cho nước ta nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế của khu vực và thế giới.

Do tính chất quan trọng như vậy nên về mặt giáo dục và đào tạo, dịch vụ đã được đưa vào chương trình giảng dạy với mức độ khác nhau ở cả phổ thông (Địa lí lớp 9, Địa lí lớp 10 – 11 – 12) và ở khoa Địa lí của các trường Đại học Sư phạm trên phạm vi cả nước (môn Địa lí kinh tế – xã hội đại cương, Địa lí kinh tế – xã hội thế giới, Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam cho bậc cử nhân và Địa lí dịch vụ cho cao học). Để góp phần đáp ứng nhu cầu của đông đảo giáo viên phổ thông, sinh viên, học viên cao học cũng như bạn đọc gần xa quan tâm đến lĩnh vực dịch vụ, cuốn sách **Địa lí dịch vụ Việt Nam** đã được biên soạn.

Như trên đã nêu rõ, dịch vụ bao gồm nhiều ngành và hoạt động. Dựa vào chương trình đào tạo cử nhân Địa lí, các tác giả đã lựa chọn trình bày chi tiết những ngành dịch vụ quan trọng nhất trong 2 tập của cuốn sách này.

Tập 1 có tiêu đề **Địa lí giao thông vận tải (GTVT)**. Nội dung của nó ngoài phần Nhập môn gồm có 4 chương tương ứng với 4 ngành GTVT chủ yếu của nước ta là GTVT đường ô tô, GTVT đường sắt, GTVT đường thủy (đường sông, đường biển) và GTVT đường hàng không. Về đại thể, cấu trúc của từng chương đều bao gồm 4 mục: Đặc điểm (hoặc những vấn đề chung), các nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển và phân bố, định hướng phát triển.

Tập 2 đề cập tới **Địa lí thương mại và du lịch** với 2 phần ứng với từng ngành cụ thể. Đến lượt mình, mỗi phần lại có những chương riêng phân tích hàng loạt nội dung có liên quan với nguồn tài liệu cập nhật nhất tính đến thời điểm biên soạn...

Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau, từ nghiên cứu của cá nhân các nhà khoa học cho đến nghiên cứu, công bố của các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương. Nhân dịp xuất bản cuốn sách, các tác giả trân trọng cảm ơn các cơ quan và cá nhân các nhà khoa học về nguồn tài liệu đã được trích dẫn.

Thông tin kinh tế – xã hội, nhất là số liệu thống kê luôn luôn biến đổi theo thời gian. Các phân tích, đánh giá trong sách này do đó sẽ mang tính lịch sử. Vì vậy bạn đọc vui lòng cập nhật khi có sự thay đổi.

Hi vọng rằng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích cho các thầy cô giáo, sinh viên, học viên cao học Địa lí và đông đảo bạn đọc.

Các tác giả